

TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN
NHÓM GDCD - GDKTPL

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT KHỐI 12
NĂM HỌC 2023 – 2024

BÀI 2 - THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

Kiến thức trọng tâm

1. Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật.

a. Khái niệm thực hiện pháp luật.

- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh.

b. Các hình thức thực hiện pháp luật

- Sử dụng pháp luật: cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình làm những điều pháp luật cho phép
- Thi hành pháp luật: cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.
- Tuân thủ pháp luật: cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm.
- Áp dụng pháp luật: cá nhân, tổ chức thực hiện pháp luật với sự tham gia, can thiệp của nhà nước.

2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.

a. Vi phạm pháp luật

- Thứ nhất là hành vi trái pháp luật: Hành vi đó có thể là hành động cũng có thể là không hành động
 - Vd: đi xe vào làn đường một chiều hoặc người sử dụng lao động để xảy ra tai nạn lao động.
- Thứ hai, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện: Đạt một độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật, có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình.
- Thứ ba, người vi phạm pháp luật phải có lỗi: Lỗi thể hiện thái độ của người biết hành vi của mình là sai, trái pháp luật, có thể gây hậu quả không tốt nhưng vẫn cố ý làm hoặc vô tình để mặc cho sự việc xảy ra.

b. Trách nhiệm pháp lí

- Là nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.
- Nhà nước thực hiện trách nhiệm pháp lí nhằm:
- Buộc các chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt tình trạng vi phạm pháp luật.
- Buộc họ phải chịu những thiệt hại, hạn chế nhất định.
- Buộc họ phải làm những công việc nhất định.

c. Các loại vi phạm pháp luật

- Vi phạm hình sự:
 - Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự
 - Chịu trách nhiệm hình phạt và các biện pháp tư pháp được quy định trong bộ luật hình sự.
- Vi phạm hành chính
 - Là các hành vi xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước
 - Chịu các hình thức xử lí hành chính do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng.
- Vi phạm dân sự
 - Là hành vi trái pháp luật xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ pháp luật dân sự khác.
 - Chịu các biện pháp nhằm khôi phục lại tình trạng ban đầu của các quyền dân sự bị vi phạm.
- Vi phạm kỉ luật
 - Là hành vi trái với quy định quy tắc quy chế xác định trật tự kỉ cương trong nội bộ cơ quan trường học xí nghiệp.
 - Chịu các hình thức kỉ luật do thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp, trường học áp dụng đối với cán bộ- công nhân viên – học sinh – sinh viên của tổ chức mình.

BÀI 3 - CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT

Kiến thức trọng tâm

1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

- Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước NN (nhà nước) và XH (xã hội) theo quy định của PL. Quyền của CD (công dân) không tách rời nghĩa vụ của CD.
- Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ được hiểu như sau:

- Một là: Mọi CD đều được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của mình. Các quyền được hưởng như quyền bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền thừa kế, các quyền tự do cơ bản và các quyền dân sự, chính trị khác... Các nghĩa vụ phải thực hiện như nghĩa vụ bảo vệ TQ, nghĩa vụ đóng thuế...
- Hai là: Quyền và nghĩa vụ của CD không bị phân biệt bởi DT (dân tộc), giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị XH.

2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý

- Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- CD dù ở địa vị nào, làm nghề gì khi vi phạm PL đều phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của PL (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỷ luật) - Khi CD vi phạm PL với tính chất và mức độ như nhau đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau, không phân biệt đối xử

3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật .

- Quyền và nghĩa vụ của công dân được NN quy định trong Hiến pháp và luật.
- Nhà nước và XH có trách nhiệm tạo ra các điều kiện cần thiết bảo đảm cho công dân có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
- NN có trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện hệ thống PL, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm PL và đảm bảo công bằng, hợp lý trong quá trình truy cứu trách nhiệm pháp lý.

BÀI 4 - BÌNH ĐẲNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐSXH

Kiến thức trọng tâm

1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình

a. Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.

- Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; giữa các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

b. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình

Bình đẳng giữa vợ và chồng:

- Trong quan hệ nhân thân:

- Giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt
- Tôn trọng và giữ gìn danh dự nhân phẩm, uy tín của nhau.
- Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.....
- Trong quan hệ tài sản.
 - Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung, quyền thừa kế, sử dụng, định đoạt...
- Bình đẳng giữa cha mẹ và con
 - Có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con.
 - Cha mẹ không phân biệt đối xử, ngược đãi các con
 - Cha mẹ không phân biệt đối xử, ngược đãi các con.
 - Không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên
 - Không xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật.
 - Yêu quý, kính trọng, chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ
 - Yêu quý, kính trọng, chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ.
 - Không được có hành vi xúc phạm ngược đãi cha mẹ
- Bình đẳng giữa ông bà và cháu
 - Ông bà: Có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu.
 - Cháu: phải kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà (nội, ngoại).
- Bình đẳng giữa anh chị em.
 - Anh chị em có bổn phận thương yêu chăm sóc, đùm bọc giúp đỡ nhau

c. Trách nhiệm của nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.

- Một là nhà nước có chính sách, biện pháp tạo điều kiện để các công dân nam nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và gia đình thực hiện đầy đủ chức năng của mình.
- Hai là, nhà nước xử lý kịp thời, nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, với các hình thức và mức độ khác nhau.

2. Bình đẳng trong lao động

a. Thế nào là bình đẳng trong lao động

- Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua việc tìm kiếm việc làm, bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động, bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

b. Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động.

- Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
 - Quyền lao động của công dân có nghĩa là công dân được sử dụng sức lao động của mình làm bất cứ việc gì, cho bất cứ người sử dụng sức lao động nào và bất kì nơi nào mà pháp luật không cấm nhằm đem lại lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.
- Công dân bình đẳng trong giao tiếp kết hợp với hợp đồng lao động.
 - Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người LĐ (lao động) với người sử dụng LĐ về việc làm có trả công, điều kiện LĐ, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ LĐ.
 - Khi kí kết hợp đồng LĐ đã thể hiện sự ràng buộc trách nhiệm giữa người LĐ với tổ chức hoặc cá nhân thuê mướn, sử dụng LĐ. Nội dung hợp đồng LĐ là cơ sở pháp lí để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cả hai bên, đặc biệt là đối với người LĐ.
 - Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những điều cam kết
 - Lao động nam và lao động nữ được bình đẳng về quyền trong lao động đó là bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm; bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện khác.
- Bình đẳng giữa LĐ nữ và LĐ nam
 - Pháp luật đã có những quy định cụ thể đối với LĐ nữ như: được hưởng chế độ thai sản, người sử dụng LĐ không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng với LĐ nữ vì lí do kết hôn, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Không được sử dụng LĐ nữ vào công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

c. Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong lao động.

3. Bình đẳng trong kinh doanh

a. Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh

- Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, hình thức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh đều bình đẳng theo quy định của PL.

b. Nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh

- Mọi công dân có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh
- Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng ký kinh doanh trong những ngành nghề mà PL không cấm.

- Mọi doanh nghiệp đều được bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh Nhà nước trao giải cho các doanh nhân giỏi.
- Mọi doanh nghiệp đều có quyền chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng; chủ động lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn; tự do liên doanh với các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; tự chủ kinh doanh để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh
- Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh như kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng kí; nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước; tuân thủ pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường; ...

c. Trách nhiệm của nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng trong kinh doanh.

“CHÚC CÁC BẠN CÓ KỶ KIỂM TRA ĐẠT KẾT QUẢ TỐT NHẤT”